

*

Cao Bằng, ngày 12 tháng 10 năm 2022

**ĐIỂM VÀ XẾP LOẠI RÈN LUYỆN
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ KHÓA 05 (HUYỆN BẢO LÂM)**

Hệ đào tạo: Không tập trung

Thời gian học từ ngày 29/9/2021 đến ngày 12/10/2022

| STT | Họ và tên | Tính chuyên cần trong học tập (4,0 điểm) | Thực hiện quy chế QLĐT và nội quy nhà trường (4,0 điểm) | Tham gia hoạt động tập thể do trường, lớp tổ chức (2,0 điểm) | Tổng điểm | Xếp loại |
|-----|----------------------|--|---|--|-----------|----------|
| 1 | Bàn Thị Vân Anh | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 2 | Hoàng Ngọc Anh | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 3 | Nguyễn Thị Quỳnh Anh | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 4 | Nông Văn Cường | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 5 | Nguyễn Đức Chinh | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 6 | Nông Văn Dũng | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 7 | Quan Thị Dung | 3,50 | 4,00 | 1,50 | 9,00 | Tốt |
| 8 | Phương Đình Duy | 4,00 | 4,00 | 1,50 | 9,50 | Tốt |
| 9 | Lý Văn Dinh | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 10 | Hà Thị Duyên | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 11 | Hoàng Thị Duyên | 3,50 | 4,00 | 1,50 | 9,00 | Tốt |
| 12 | Lãnh Thị Duyên | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 13 | Lục Văn Đức | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 14 | Mông Thị Điệp | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 15 | Dương Thị Điệp | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 16 | Dương Văn Định | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 17 | Nguyễn Thị Thu Hà | 3,50 | 4,00 | 1,50 | 9,00 | Tốt |
| 18 | Phan Thị Hạnh | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 19 | Trịnh Thị Hạnh | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 20 | Lã Xuân Hải | 4,00 | 4,00 | 1,50 | 9,50 | Tốt |
| 21 | Nông Thị Hậu | 4,00 | 4,00 | 1,50 | 9,50 | Tốt |
| 22 | Ma Xuân Hòa | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 23 | Tô Thị Thu Hoài | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 24 | Ma Thị Hoàn | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 25 | Hà Thị Bích Hồng | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 26 | Mạc Văn Huấn | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |

| STT | Họ và tên | Tính chuyên cần trong học tập (4,0 điểm) | Thực hiện quy chế QLĐT và nội quy nhà trường (4,0 điểm) | Tham gia hoạt động tập thể do trường, lớp tổ chức (2,0 điểm) | Tổng điểm | Xếp loại |
|-----|---------------------|--|---|--|-----------|----------|
| 27 | Nông Thị Huế | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 28 | Mã Thị Huệ | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 29 | Nguyễn Như Hùng | 4,00 | 4,00 | 1,50 | 9,50 | Tốt |
| 30 | Hoa Mạnh Hưng | 4,00 | 4,00 | 1,50 | 9,50 | Tốt |
| 31 | Nông Thị Hương | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 32 | Chu Thị Thanh Huyền | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 33 | Ngô Văn Khánh | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 34 | Phạm Thị Khuyên | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 35 | Nông Ngọc Kiên | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 36 | Lương Thị Ngọc Lan | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 37 | Hà Thị Lan | 4,00 | 4,00 | 1,50 | 9,50 | Tốt |
| 38 | Nông Thị Lành | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 39 | Triệu Thị Liên | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 40 | Dương Văn Lợi | 3,50 | 4,00 | 1,50 | 9,00 | Tốt |
| 41 | Lương Hà Lý | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 42 | Nguyễn Ngọc Mẫn | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 43 | Mạc Văn Minh | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 44 | Nông Văn Minh | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 45 | Nông Văn Mộc | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 46 | Lâu Thị My | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 47 | Hoa Thị Nga | 4,00 | 4,00 | 1,50 | 9,50 | Tốt |
| 48 | Hoàng Thị Ngân | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 49 | Nguyễn Hoàng Ngoan | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 50 | Liên Thị Nguyên | 3,50 | 4,00 | 1,50 | 9,00 | Tốt |
| 51 | Mã Văn Nhâm | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 52 | Bé Thị Nhung | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 53 | Sầm Thị Phiên | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 54 | Hà Văn Phong | 3,50 | 4,00 | 1,50 | 9,00 | Tốt |
| 55 | Đặng Văn Quân | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 56 | Trần Hùng Quang | 4,00 | 4,00 | 1,50 | 9,50 | Tốt |
| 57 | Nông Thị Sấn | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 58 | Vương Văn Sính | 3,50 | 4,00 | 1,50 | 9,00 | Tốt |

| STT | Họ và tên | Tính chuyên cần trong học tập (4,0 điểm) | Thực hiện quy chế QLĐT và nội quy nhà trường (4,0 điểm) | Tham gia hoạt động tập thể do trường, lớp tổ chức (2,0 điểm) | Tổng điểm | Xếp loại |
|-----|------------------------|--|---|--|-----------|----------|
| 59 | Vi Văn Sơn | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 60 | Anh Thị Thanh | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 61 | Mạc Văn Thánh | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 62 | Hoàng Văn Thành | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 63 | Nguyễn Thị Phương Thảo | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 64 | Nông Thị Thảo | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 65 | Hoàng Thị Thời | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 66 | Lữ Thị Thu | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 67 | Mạc Thị Thu | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 68 | Lữ Thu Thủy | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 69 | Hoàng Lệ Thủy | 4,00 | 4,00 | 1,50 | 9,50 | Tốt |
| 70 | Lãnh Thị Phương Trang | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 71 | Triệu Thị Trang | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 72 | Lãnh Thị Trọng | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 73 | Mã Thị Tú | 4,00 | 4,00 | 1,50 | 9,50 | Tốt |
| 74 | Hoàng Huy Tuyên | 4,00 | 4,00 | 1,50 | 9,50 | Tốt |
| 75 | Nông Văn Tuyên | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 76 | Phương Ánh Tuyết | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 77 | Mạc Thị Vê | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |
| 78 | Nông Thị Chuyên | 4,00 | 4,00 | 1,00 | 9,00 | Tốt |

GHI ĐIỂM



Đoàn Thị Kim Liên

**PHÒNG QL ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Đoàn Thị Vân Thúy

HIỆU TRƯỞNG



Trịnh Thị Ánh Hoa